

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum: “phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch BS23)”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016, được bổ sung một số điều tại Thông tư 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong Hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, Hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kỹ thuật thăm dò, đánh giá trữ lượng đá khối sử dụng làm ốp lát và mỹ nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch BS23).

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 54/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Điều 1 Quyết định 198/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, như sau⁽¹⁾:

“**Điều 1:** Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch BS23), với các nội dung chính như sau:

1. Diện tích thăm dò: 2,7 ha, kết quả thăm dò xác định diện tích có phân bố khoáng sản phê duyệt trữ lượng là 0,95 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát và đá Serpentin đã tính trong báo cáo kết quả thăm dò với trữ lượng Cấp 122 là 13.021 m³ (Mười ba ngàn không trăm hai mươi một mét khối); trong đó:

- Đá Serpentin làm ốp lát có kích cỡ $\geq 0,4 \text{ m}^3$ là 11.094 m³;
- Đá Serpentin có kích cỡ nhỏ hơn 0,4 m³ là 1.927 m³.

(Chi tiết tại Phụ lục 02 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo)”.


Điều 2. Các nội dung khác tiếp tục thực hiện theo Quyết định 198/QĐ-UBND ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát tại xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch BS23).

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi; Giám đốc Công ty TNHH Nông Lâm Khoáng sản Đăng Dương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Địa Chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chi Cục Địa chất và Khoáng sản miền Trung;
- VP UBND tỉnh: các PCVP;
- Lưu: VT, KTN._{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

⁽¹⁾ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 09 tháng 4 năm 2025.

TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG**Khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát tại điểm mỏ thuộc****xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum****(số hiệu quy hoạch BS23)***(Kèm theo Quyết định số: 216 /QĐ-UBND**ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum)***I. Tọa độ khu vực thăm dò:**

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 <i>Kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°</i>	
	X (m)	Y (m)
1	1.621.364	507.429
2	1.621.364	507.494
3	1.621.186	507.625
4	1.621.148	507.429
Diện tích 2,7 (ha)		

II. Tọa độ khu vực phê duyệt trữ lượng:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 <i>Kinh tuyến trực 107°30', múi chiếu 3°</i>	
	X (m)	Y (m)
I.1	1.621.302	507.465
I.2	1.621.302	507.505
I.3	1.621.173	507.558
I.4	1.621.157	507.475
I.5	1.621.268	507.456
0,95 (ha)		

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG
Khoáng sản đá Serpentin làm ốp lát tại điểm mỏ thuộc
xã Pờ Y, huyện Ngọc hời, tỉnh Kon Tum
(số hiệu quy hoạch BS23)
(Kèm theo Quyết định số: 216 /QĐ-UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Kon Tum)

1. Kết quả tính tổng trữ lượng đá Serpentin cấp 122:

TT	Khối cấp trữ lượng và số hiệu khối	Mặt cắt tham gia tính trữ lượng		Diện tích trung bình (m ²)	Khoảng cách giữa hai mặt cắt (m)	Tổng thể tích đá (m ³)	Hệ số thu hồi đá ốp lát (%)	Trữ lượng đá làm ốp lát (m ³)	Trữ lượng đá kích cỡ <0,4m ³ (m ³)
		Tuyến	Diện tích (m ²)						
1	K1-122	ST1	182,7	178,5	22	3.927	85,2	3.346	581
		ST1.1	174,2						
2	K2-122	ST1.1	174,2	58,1	16	906	85,2	772	134
3	K3-122	ST2.1	264,8	88,3	16	1.430	85,2	1.218	212
4	K4-122	ST2.1	264,8	200,7	26	5.218	85,2	4.446	772
		ST3	142,8						
5	K5-122	ST3	142,8	47,6	17	809	85,2	689	120
6	K6-122	ST1	182,7	91,4	8	731	85,2	623	108
	Cộng					13.021		11.094	1.927

2. Kết quả tính trữ lượng ốp lát theo từng kích cỡ:

Cấp trữ lượng	Tổng trữ lượng đá (m ³)	Tỷ lệ thu hồi đá khối cỡ $\geq 0,4 \text{ m}^3$ (%)	Trữ lượng đá khối cỡ $\geq 0,4 \text{ m}^3$ (m ³)	Trữ lượng đá khối theo từng kích cỡ (m ³)				
				>0,4-1,0	>1,0-2,0	>2,0-4,5	>4,5-8,0	>8,0
122	13.021	85,2	11.094	11.094	0	0	0	0

3. Kết quả tính tỉ lệ thu hồi sản phẩm đá ốp lát theo nhóm diện tích mặt:

STT	Số hiệu mẫu	Tỷ lệ thu hồi theo các nhóm diện tích mặt sau khi xẻ đá (%)				
		$\geq 1 \text{ m}^2$	0,6 - <0,1m ²	0,3 - <0,6m ²	0,1 - <0,3m ²	< 0,1m ²
1	1	0,0	0,0	1,8	40,7	57,5
2	2	0,0	0,0	23,0	28,3	48,7
Trung bình		0,0	0,0	12,4	34,5	53,1